TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10/6/2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bàn Đức Hiếu

2. Bà Đàm Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thẩm tra viênToà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 3 T, xã T1, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995; nơi ĐKHKTT: Thôn 3 T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Thôn P 1, xã T2, huyện H, tỉnh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2013 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh T. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại thôn P1, xã T2, huyện H, tỉnh T (quê chị Phương). Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, chị P đi làm ăn xa, vợ chồng sống xa nhau nên không còn nhiều tình cảm. Đến cuối năm 2018, anh và các con chuyển về thôn 3 T, xã T1, huyện H, tỉnh T sinh sống,

còn chị Phương vẫn ở xã T2, vợ chồng anh chị cũng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Nguyễn Thị P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- *Về con chung*: Anh và chị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 20/12/2012 và cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 12/6/2016, hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, đất đai, công nợ chung*: Anh T xác định không yêu cầu giải quyết.

Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Nguyễn Thị P đến để giải quyết vụ án nhưng chị Phương đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay chị Phương đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 3 T, xã T1, huyện H, tỉnh T. Sau khi vợ chồng ly thân thì sinh sống tại thôn P 1, xã T2, huyện H, tỉnh T.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn C (bố đẻ anh T), anh chị T, P kết hôn xong thì về sinh sống tại quê chị P ở thôn P 1, xã T2, huyện H. Được khoảng 05 năm thì chị P đi làm ăn xa không về nên bố con anh T chuyển về sinh sống tại thôn 3 T, xã T1 Sơn từ đó đến nay.

Theo lời khai của bà Trần Thị L (là mẹ đẻ chị P), anh chị T, P được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn thì về chung sống cùng gia đình bà tại thôn P1, xã T2. Cuộc sống chung của anh chị thời gian đầu hạnh phúc, thỉnh thoảng có xô xát, cãi cọ nhau. Năm 2018, gia đình anh chị chuyển về sinh sống tại thôn 3 T, xã T1, huyện H. Đến đầu năm 2019 thì chị P lại về T2 sống cùng gia đình bà và có nói với bà mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng cũng ly thân luôn từ đó. Hiện tại chị P đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà và thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi chị P ở. Gia đình bà có nhận được các văn bản của Tòa án nhiều lần và thông báo cho chị P biết nhưng chị P không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P; giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 20/12/2012 và cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 12/6/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo cung cấp của địa phương thì chị Nguyễn Thị P có hộ khẩu thường trú tại thôn 3 T, xã T1, huyện H, tỉnh T, từ năm 2019 thì sinh sống tại thôn P1, xã T2, huyện H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn tại cả hai địa chỉ trên. Chị P và gia đình chị P đã biết nhưng chị P không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không còn cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2019 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T là xử cho anh Tài được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 20/12/2012 và cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 12/6/2016, hiện tại đang sống cùng với anh T. Do chị P đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình, căn cứ vào ý kiến của con chung (cháu Nguyễn Thanh N có nguyện vọng được ở với bố) và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con cái thì cần giao cả hai cháu cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh T không yêu cầu chị P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn T không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04 do Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H, tỉnh T cấp ngày 24/01/2013 cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 20/12/2012 và cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 12/6/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004616, ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; ghi nhận anh Nguyễn Văn T đã thi hành xong khoản tiền án phí. Chị Nguyễn Thị P không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã T (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Tuyết Mai